TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 295/2022/DS-PT
Ngày: 30-11-2022
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Em

Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Ngô Phúc Thẩm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 174/2022/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 263/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Kim P, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt)

(Theo văn bản ủy quyền ngày 23/11/2022)

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1973 (có mặt).

2. Ông Phan Văn T, sinh năm 1968 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Khu phố B, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà có tên thường gọi là 6 C, bà và bà V là chị em cô cậu ruột, ông T là chồng bà V. Trước đây bà có cho vợ chồng bà V vay tiền nhiều lần, không có lấy lãi, tiền cho vay là tiền bà chơi hụi, hốt hụi rồi đưa lại cho bà V vay. Đến ngày 30/3/2021 âm lịch bà và bà V, ông T thống nhất số tiền bà V và ông T còn nợ bà tổng cộng là 110.000.000 đồng, bà V và ông T hứa trả 2.000.000 đồng vào ngày mùng 10 âm lịch hàng tháng, do không rành chữ nên bà nhờ con bà viết giấy nợ và bà V và ông T ký tên xác nhận nợ, giấy nợ này bà đã nộp cho Tòa án. Từ khi viết giấy nợ đến nay bà V và ông T chỉ trả được 12.000.000 đồng, còn nợ lại 98.000.000 đồng.

Bà C yêu cầu bà V và ông T liên đới trả số tiền 98.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết V trình bày:

Bà và bà C có mối quan hệ cô cậu ruột, ông Phan Văn T là chồng của bà. Trước đây bà có nợ bà C tổng cộng là 110.000.000 đồng nhưng số nợ này là tiền hụi chứ không phải tiền vay, tuy nhiên bà không có gì chứng minh đó là tiền hụi. Số nợ này bà dùng để phục vụ trong gia đình. Giấy nợ bà C cung cấp cho Tòa án là do con của bà C viết nội dung là vợ chồng bà có nợ bà C số tiền 110.000.000 đồng, bà và ông T có ký tên xác nhận nợ. Sau khi làm giấy nợ thì bà có trả cho bà C được 06 tháng với số tiền tổng cộng là 12.000.000 đồng, sau đó do hoàn cảnh khó khăn nên không trả cho đến nay.

Bà V đồng ý trả cho bà C số tiền 98.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Bị đơn ông Phan Văn T đã được Tòa án thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng vắng mặt không có lý do, nên không thể hiện được ý kiến đối với yêu cầu của bà C.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 174/2022/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 288, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết V và ông Phan Văn T trả số tiền 4.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết V và ông Phan Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 98.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 07/7/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết V có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm chấp nhận cho bà V trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi hết số tiền 98.000.000 đồng cho bà C vì hoàn cảnh gia đình bà rất khó khăn.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết V vẫn giữ nguyên yêu kháng cáo và trình bày: Hiện hoàn cảnh kinh tế gia đình bà rất khó khăn không có khả năng trả một lần số tiền nợ 98.000.000 đồng nên xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết V, ông Phan Văn T trả số tiền 4.000.000 đồng là không đúng vì tại phiên tòa cấp sơ thẩm bà C chỉ thay đổi yêu cầu khởi kiện, không phải rút một phần yêu cầu khởi kiện. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện là không đúng đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, không tuyên đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Tuyết V là không có cơ sở vì yêu cầu trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng không được phía nguyên đơn đồng ý và cũng không phù hợp quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà V, sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ kết quả tranh tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tuyết V thực hiện đúng quy định theo Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo đúng quy định Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 là đúng quy định.

Về sự có mặt của đương sự: Đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C là bà Trần Thị Kim Phượng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định: Bà Nguyễn Thị C có cho bà Nguyễn Thị Tuyết V, ông Phan Văn T vay tiền nhiều lần. Đến ngày 30/3/2021 (âm lịch) bà C và bà V, ông T tổng kết nợ số tiền nợ là 110.000.000 đồng, bà V và ông T có trả được 12.000.000 đồng, thỏa thuận không tính lãi, việc vay tiền có làm giấy nợ. Chứng cứ chứng minh của nguyên đơn là giấy biên nhận nợ ngày 30/3/2021, có chữ ký của bà V và ông T. Do đó, án sơ thẩm xác định giữa bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị Tuyết V, ông Phan Văn T xác lập hợp đồng vay tài sản, theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 là có căn cứ.

Theo thỏa thuận thì bà Nguyễn Thị Tuyết V có nghĩa vụ trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho bà C tính từ ngày 30/3/2021. Bà V đã thực hiện trả được 06 tháng số tiền 12.000.000 đồng rồi ngưng trả đến nay. Do đó, bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối với bà C nên Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà V, ông T trả số tiền nợ 98.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà V xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ là không có cơ sở vì yêu cầu xin trả dần của bà V nhằm kéo dài thời gian trả nợ, chiếm dụng đồng vốn của bà C làm ảnh hưởng quyền lợi của bà C. Đồng thời, yêu cầu xin trả dần của bà V không được nguyên đơn đồng ý và không phù hợp pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà V.

[4] Xét thấy tại đơn khởi kiện ngày 14/02/2022 nguyên đơn Nguyễn Thị C yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết V, ông Phan Văn T trả số tiền 102.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày chỉ yêu cầu bà V, ông T trả số tiền 98.000.000 đồng. Biên bản phiên tòa cũng không thể hiện nguyên đơn có rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 4.000.000 đồng, mà đây là sự thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không phải rút một phần yêu cầu khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm đối với phần đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu kháng cáo của bà V là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tuyết V. Sửa bản án sơ thẩm số 174/2022/DS-ST ngày 22/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết V và ông Phan Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 98.000.000 đồng. Thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện theo nội dung quyết định này, thì hàng tháng còn phải trả lãi phát sinh tính trên số tiền và thời gian chậm thi hành án, với mức lãi suất tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị Tuyết V và ông Phan Văn T liên đới chịu 4.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà V đã nộp 300.000 tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006294 ngày 07/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, cấn trừ nên bà V và ông T còn phải nộp tiếp 4.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diệp Thúy